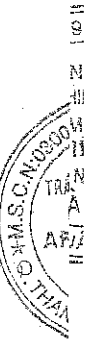


TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC - VINACOMIN
CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN
CẨM PHẢ - VINACOMIN

Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét
cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2015
và kết thúc vào ngày 30/6/2015



TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC - VINACOMIN
CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN CẨM PHẢ - VINACOMIN
Địa chỉ: phường Cẩm Thịnh, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

MỤC LỤC

	Trang
1. Báo cáo của Ban Tổng giám đốc	2 - 4
2. Báo cáo kết quả công tác soát xét	5
3. Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét	
- Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	6 - 7
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	8
- Tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách giữa niên độ	9
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	10
- Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ	11 - 35

191
NH
HI
CÔNG
NHIỆM
KIỂM T
C VI
CHI NH
HÀ
XUẤT

TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC - VINACOMIN

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN CẨM PHẢ - VINACOMIN

Địa chỉ: phường Cẩm Thịnh, thành Phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2015 và kết thúc vào ngày 30/6/2015

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nhiệt điện Cẩm Phả - Vinacomin (dưới đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2015 và kết thúc vào ngày 30/6/2015 của Công ty đã được soát xét bởi các kiểm toán viên độc lập.

1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Cẩm Phả - Vinacomin được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp lần đầu số 220300067 ngày 04/11/2002. Trong quá trình hoạt động, các thay đổi về ngành nghề kinh doanh cũng như vốn điều lệ của Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh lần lượt chứng nhận tại các giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi. Hiện nay Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần thay đổi lần thứ 4, do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 27/7/2012 với mã số doanh nghiệp là 5700428470.

2. Hội đồng Quản trị và Ban Tổng giám đốc

Hội đồng quản trị:

Các thành viên của Hội đồng Quản trị Công ty đã điều hành hoạt động của Công ty trong suốt kỳ tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

<u>Họ và tên:</u>	<u>Chức vụ:</u>
- Ông Phạm Xuân Phong	Chủ tịch
- Ông Phạm Đắc Lâm	Ủy viên
- Ông Phạm Văn Thường	Ủy viên
- Ông Ngô Minh Thắng	Ủy viên
- Ông Vũ Xuân Trinh	Ủy viên

Ban Tổng giám đốc:

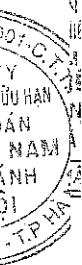
Các thành viên của Ban Tổng giám đốc Công ty đã điều hành hoạt động của Công ty trong suốt kỳ tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

<u>Họ và tên:</u>	<u>Chức vụ:</u>
- Ông Phạm Đắc Lâm	Tổng Giám đốc
- Ông Vũ Xuân Trinh	Phó Tổng Giám đốc
- Ông Dương Hồng Hải	Phó Tổng Giám đốc
- Ông Vũ Đức Quảng	Phó Tổng Giám đốc (i)

(i) Ông Vũ Đức Quảng được bổ nhiệm giữ giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Công ty theo Quyết định số 09/QĐ-NĐCP ngày 04/02/2015.

3. Trụ sở

Công ty có trụ sở chính tại phường Cẩm Thịnh, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2015 và kết thúc vào ngày 30/6/2015

4. Hoạt động chính

Trong kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2015 và kết thúc vào ngày 30/6/2015, hoạt động chính của Công ty là Sản xuất, truyền tải và phân phối điện; Đầu tư xây dựng, quản lý vận hành nhà máy Nhiệt điện Cẩm Phả và bán điện cho hệ thống Quốc gia. Ngoài ra, Công ty không có hoạt động đáng kể nào ngoài chức năng kinh doanh đã được đăng ký.

5. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh

Chi tiết tình hình tài chính vào ngày 30/6/2015 và kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2015 và kết thúc vào ngày 30/6/2015 của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét đính kèm.

6. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Đến ngày lập báo cáo này, Ban Tổng giám đốc Công ty cho rằng không có sự kiện nào có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính giữa niên độ đã soát xét của Công ty bị phản ánh sai lệch.

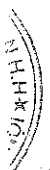
7. Công ty kiểm toán

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội được chỉ định là kiểm toán viên thực hiện soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2015 và kết thúc vào ngày 30/6/2015 của Công ty.

8. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ và đảm bảo Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính vào ngày 30/6/2015 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ trong kỳ tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty. Để lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng giám đốc Công ty được yêu cầu:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng giám đốc và Hội đồng quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp;



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2015 và kết thúc vào ngày 30/6/2015

Ban Tổng giám đốc Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp.

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo số kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản và đã thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn ngừa và phát hiện sai sót và các trường hợp vi phạm khác.

Ban Tổng giám đốc Công ty xác nhận rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2015 và kết thúc vào ngày 30/6/2015 của Công ty đã được lập theo đúng các yêu cầu nêu trên.

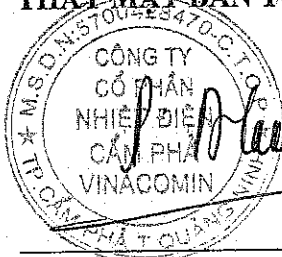
Ngoài ra, Ban Tổng giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 52/2012/TT-BTC, ngày 05/4/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

9. Ý kiến của Ban Tổng giám đốc

Theo ý kiến của Ban Tổng giám đốc Công ty, Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét (đính kèm) đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty vào ngày 30/6/2015, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ trong kỳ tài chính kết thúc cùng ngày và được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Quảng Ninh, ngày 10 tháng 8 năm 2015

THAY MẶT BAN TỔNG GIÁM ĐỐC



Phạm Đắc Lâm
Tổng Giám đốc

39955-2
ÔNG T
NHỆM
EM T C
VIỆT
HI NH
HÀ N
XUÂN

Số: 503/2016/BCSX-AFCVN

Hà Nội, ngày 10 tháng 8 năm 2015

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT

về Báo cáo tài chính giữa niên độ
cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2015 và kết thúc vào ngày 30/6/2015
của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Cẩm Phả - Vinacomin

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Cẩm Phả - Vinacomin**

Chúng tôi đã thực hiện soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 và kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Cẩm Phả - Vinacomin được lập ngày 10 tháng 8 năm 2015, bao gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho kỳ tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày từ trang 6 đến trang 35 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ này thuộc về trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Nhiệt điện Cẩm Phả - Vinacomin. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về Báo cáo tài chính này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 - Công tác soát xét báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có được sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tài chính không còn chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên không đưa ra ý kiến kiểm toán.

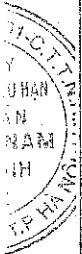
Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không nhận thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập vào trình bày báo cáo tài chính.

Đại diện cho Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam



Nguyễn Hồng Quang
Phó Giám đốc Chi nhánh Hà Nội
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0576-2013-009-1

Trần Đình Dũng
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1788-2013-009-1



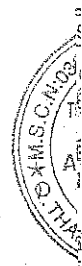
TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN CẨM PHẢ - VINACOMIN
 Địa chỉ: phường Cẩm Thịnh, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Ngày 30 tháng 6 năm 2015

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2015	01/01/2015
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		941.294.929.974	935.218.335.295
Tiền và các khoản tương đương tiền	110		12.023.766.316	6.286.833.890
Tiền	111	5.1	12.023.766.316	6.286.833.890
Các khoản tương đương tiền	112		-	-
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		816.579.642.250	855.460.870.590
Phải thu ngắn hạn khách hàng	131	5.2	808.082.913.512	844.455.399.539
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		1.182.313.270	473.540.000
Các khoản phải thu khác	136	5.3	7.387.075.468	10.604.591.051
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(72.660.000)	(72.660.000)
Hàng tồn kho	140	5.4	70.745.654.944	71.426.375.595
Hàng tồn kho	141		70.745.654.944	71.426.375.595
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		41.945.866.464	2.044.255.220
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.8	40.210.761.317	-
Thuế và các khoản phải thu Nhà Nước	153	5.12	1.735.105.147	2.044.255.220
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		7.482.650.204.207	7.867.836.025.917
Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
Tài sản cố định	220		7.399.508.637.622	7.679.392.326.399
TSCĐ hữu hình	221	5.6	7.399.508.637.622	7.679.392.326.399
- Nguyên giá	222		10.225.943.245.628	10.236.410.694.334
- Giá trị khấu hao lũy kế	223		(2.826.434.608.006)	(2.557.018.367.935)
TSCĐ vô hình	227	5.7	-	-
- Nguyên giá	228		88.000.000	88.000.000
- Giá trị khấu hao lũy kế	229		(88.000.000)	(88.000.000)
Bất động sản đầu tư	230		-	-
Tài sản dở dang dài hạn	240	5.5	14.630.456.797	14.118.973.811
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		14.630.456.797	14.118.973.811
Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
Tài sản dài hạn khác	260		68.511.109.788	174.324.725.707
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.8	18.125.413.301	122.866.856.181
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		50.385.696.487	51.457.869.526
Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		8.423.945.134.181	8.803.054.361.212



TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN CẨM PHẢ - VINACOMIN
 Địa chỉ: phường Cẩm Thịnh, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)
 Ngày 30 tháng 6 năm 2015

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2015	01/01/2015
NỢ PHẢI TRẢ	300		6.954.281.185.246	7.217.761.612.574
Nợ ngắn hạn	310		2.281.146.390.544	2.172.144.547.853
Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.10	793.262.721.248	947.279.147.455
Người mua trả tiền trước	312		77.845.775	79.753.775
Thuế và khoản phải nộp Nhà nước	313	5.12	8.564.603.801	16.333.548.445
Phải trả người lao động	314		11.656.018.489	16.953.890.745
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.13	159.368.465.611	127.154.009.321
Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
Phải trả phải nộp ngắn hạn khác	319	5.14	1.851.471.918	3.550.357.148
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.9	1.297.733.899.465	1.057.491.519.585
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	5.15	5.873.493.226	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		2.757.871.011	3.302.321.379
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
Nợ dài hạn	330		4.673.134.794.702	5.045.617.064.721
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		4.673.134.794.702	5.045.617.064.721
Vay dài hạn		5.9	4.223.134.794.702	4.595.617.064.721
Nợ dài hạn		5.11	450.000.000.000	450.000.000.000
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.469.663.948.935	1.585.292.748.638
Vốn chủ sở hữu	410	5.16	1.469.663.948.935	1.585.292.748.638
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		1.969.806.222.882	1.969.806.222.882
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.969.806.222.882	1.969.806.222.882
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(500.142.273.947)	(384.513.474.244)
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(384.513.474.244)	(416.422.457.509)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(115.628.799.703)	31.908.983.265
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		8.423.945.134.181	8.803.054.361.212

Quảng Ninh, ngày 10 tháng 8 năm 2015

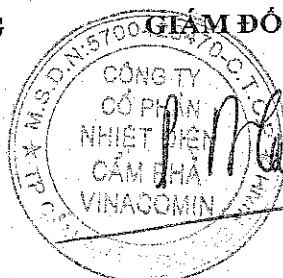
NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC

me

T. Ba



NGUYỄN THỊ DUNG

PHẠM VĂN THƯỜNG

PHẠM ĐẮC LÂM

364896
 CÔNG
 TÁC NỘI
 KIỂM
 TẬP VI
 CHI N
 HÀ
 XỬ

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN CẨM PHẢ - VINACOMIN

Địa chỉ: phường Cẩm Thịnh, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2015 và kết thúc vào ngày 30/6/2015

Đơn vị: VND

CHI TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/1/2015 đến 30/6/2015	Từ 01/1/2014 đến 30/6/2014
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	2.018.746.186.740	2.518.486.119.975
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.2	-	-
Doanh thu thuần từ bán hàng hoá và cung cấp DV	10		2.018.746.186.740	2.518.486.119.975
Giá vốn hàng bán và dịch vụ	11	6.3	1.714.266.870.104	2.042.962.060.140
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		304.479.316.636	475.524.059.835
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.4	478.918.702	227.507.117
Chi phí tài chính	22	6.5	397.819.221.491	327.518.807.254
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		194.161.673.246	205.937.001.716
Chi phí bán hàng	24	6.8	-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	6.8	16.753.742.980	21.971.931.731
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(109.614.729.133)	126.260.827.967
Thu nhập khác	31	6.6	183.716.363	1.599.740.199
Chi phí khác	32	6.7	6.197.786.933	1.019.034.842
Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(6.014.070.570)	580.705.357
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(115.628.799.703)	126.841.533.324
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.10	-	-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60		(115.628.799.703)	126.841.533.324
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.11	(587,01)	643,93
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71			

Quảng Ninh, ngày 10 tháng 8 năm 2015

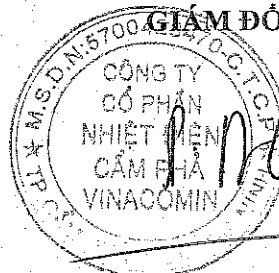
NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC

me

Pha



NGUYỄN THỊ DUNG

PHẠM VĂN THƯỜNG

PHẠM ĐẮC LÂM

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN CẨM PHẢ - VINACOMIN
 Địa chỉ: phường Cẩm Thịnh, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHĨA VỤ VỚI NGÂN SÁCH GIỮA NIÊN ĐỘ
 Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2015 và kết thúc vào ngày 30/6/2015

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Số còn phải nộp đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số còn phải nộp cuối kỳ
B	C	1	2	3	4=(1+2-3)
Thuế	10	14.289.293.225	64.867.186.693	72.326.981.264	6.829.498.654
Thuế GTGT hàng bán nội địa	11	15.739.522.122	62.266.564.371	69.441.482.692	8.564.603.801
Thuế GTGT hàng NK	12	-	-	-	-
Thuế Tiêu thụ đặc biệt	13	-	-	-	-
Thuế Xuất, nhập khẩu	14	-	-	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	15	-	-	-	-
Thuế Tài nguyên	16	412.312.463	1.082.790.934	1.495.103.397	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	18	181.713.860	1.205.681.315	1.387.395.175	-
Thuế bảo vệ môi trường		-	-	-	-
Các khoản thuế khác	19	(2.044.255.220)	312.150.073	3.000.000	(1.735.105.147)
<i>Thuế môn bài</i>		-	3.000.000	3.000.000	-
<i>Thuế thu nhập cá nhân</i>		(450.602.253)	309.150.073	-	(141.452.180)
<i>Các loại thuế khác</i>		(1.593.652.967)	-	-	(1.593.652.967)
Các khoản phải nộp khác	30	-	-	-	-
Các khoản phụ thu	31	-	-	-	-
Các khoản phí, lệ phí	32	-	-	-	-
Các khoản khác	33	-	-	-	-
Thu điều tiết		-	-	-	-
Các khoản nộp phạt		-	-	-	-
Nộp khác		-	-	-	-
TỔNG CỘNG (40=10+30)	40	14.289.293.225	64.867.186.693	72.326.981.264	6.829.498.654

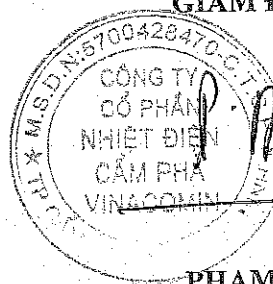
Quảng Ninh, ngày 10 tháng 8 năm 2015
GIÁM ĐỐC

NGƯỜI LẬP BIỂU

KÊ TOÁN TRƯỞNG

mo

T. ba



Phạm

NGUYỄN THỊ DUNG

PHẠM VĂN THƯỜNG

PHẠM ĐẮC LÂM

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN CẨM PHẢ - VINACOMIN
 Địa chỉ: phường Cẩm Thịnh, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ (theo phương pháp gián tiếp)
 Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2015 và kết thúc vào ngày 30/6/2015

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/1/2015 đến 30/6/2015	Từ 01/1/2014 đến 30/6/2014
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	(115.628.799.703)	126.841.533.324
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	269.327.489.703	270.158.318.029
Các khoản dự phòng	03	5.873.493.226	-
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	103.165.957.942	57.568.745.458
Lãi lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(478.730.161)	(227.436.451)
Chi phí lãi vay	06	194.161.673.246	205.937.001.716
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	456.421.084.253	660.278.162.076
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	39.190.378.413	66.442.013.332
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	1.752.893.690	(9.970.677.929)
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả (Không bao gồm lãi vay phải trả và thuế TNDN phải nộp)	11	(88.510.528.129)	(90.108.008.063)
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	64.530.681.563	48.652.478.568
Tiền lãi vay đã trả	14	(238.806.862.725)	(217.127.017.823)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	46.600.000	438.000.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(502.300.000)	(458.820.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	234.121.947.065	458.146.130.161
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và TS dài hạn khác	21	(5.502.946.576)	(210.055.227.379)
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	478.730.161	227.436.451
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(5.024.216.415)	(209.827.790.928)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ đi vay	33	923.093.917.139	1.028.854.900.738
Tiền trả nợ gốc vay	34	(1.146.454.903.904)	(1.277.642.908.266)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(223.360.986.765)	(248.788.007.528)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ			
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	50	5.736.743.885	(469.668.295)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	60	6.286.833.890	13.101.565.232
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	188.541	70.666
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	12.023.766.316	12.631.967.603

Quảng Ninh, ngày 10 tháng 8 năm 2015

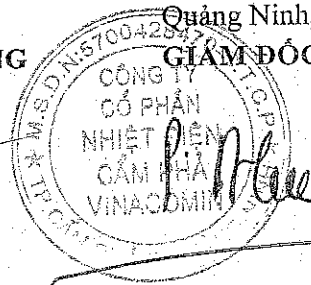
NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC

(Signature)

(Signature)



NGUYỄN THỊ DUNG

PHẠM VĂN THƯỜNG

PHẠM ĐẮC LÂM

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2015 và kết thúc vào ngày 30/6/2015

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Cẩm Phả - Vinacomin được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp lần đầu số 220300067 ngày 04/11/2002. Trong quá trình hoạt động, các thay đổi về ngành nghề kinh doanh cũng như vốn điều lệ của Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh lần lượt chứng nhận tại các giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi. Hiện nay Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần thay đổi lần thứ 4, do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 27/7/2012 với mã số doanh nghiệp là 5700428470.

Lĩnh vực kinh doanh : sản xuất công nghiệp và dịch vụ

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất, truyền tải và phân phối điện; Đầu tư xây dựng, quản lý vận hành nhà máy nhiệt điện Cẩm Phả và bán điện cho hệ thống Quốc gia.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường: 12 tháng.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính: Trong kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30/6/2015, không có sự kiện nào phát sinh làm ảnh hưởng đến các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty.

Công ty có trụ sở chính tại phường Cẩm Thịnh, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 dương lịch.

Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2015 và kết thúc vào ngày 30/6/2015.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN QUAN TRỌNG

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp (Thông tư 200) thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 (Quyết định 15), và có hiệu lực từ năm tài chính 2015.

Ảnh hưởng của các thay đổi chính sách kế toán theo hướng dẫn của Thông tư 200 được áp dụng phi hồi tố. Công ty đã trình bày lại số dư đầu kỳ và bổ sung các thuyết minh thông tin trên báo cáo tài chính đối với một số chỉ tiêu có sự thay đổi giữa Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Quyết định 15/2006/QĐ-BTC tại Thuyết minh 7.2 của Thuyết minh báo cáo tài chính.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2015 và kết thúc vào ngày 30/6/2015

4.1 Ước tính kế toán

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2015 và kết thúc vào ngày 30/6/2015 của Công ty tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, yêu cầu Ban Giám đốc Công ty phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc kỳ tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn).

Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

4.3 Các giao dịch ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng đồng tiền khác ngoài đồng Việt Nam (VND) được chuyển đổi thành đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá đã thực hiện phát sinh trong kỳ tài chính được ghi nhận vào chi phí hoặc doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ tài chính.

Số dư các tài sản bằng tiền, tương đương tiền và công nợ có gốc là ngoại tệ vào ngày kết thúc kỳ tài chính được quy đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch của các ngân hàng thương mại có tài khoản giao dịch tại ngày kết thúc kỳ tài chính. Tỷ giá áp dụng đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ áp dụng thống nhất trong Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam được thực hiện theo Công văn số 3140/TKV-KT ngày 08/7/2015 của Tập đoàn cụ thể như sau:

- Các khoản tiền gửi, tiền tồn quỹ và các khoản phải thu ngoài TKV có gốc ngoại tệ quy đổi theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng là 21.780 VND/USD.
- Các khoản cộng nợ phải trả, tiền vay ngoài TKV có gốc ngoại tệ quy đổi theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng là 21.840 VND/USD.
- Các khoản công nợ phải thu, phải trả trong TKV có gốc ngoại tệ quy đổi theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng là 21.840 VND/USD.
- Các loại ngoại tệ khác (nếu có) được căn cứ vào thông báo của Ngân hàng hoặc quy đổi qua đồng đô la Mỹ theo nguyên tắc như hướng dẫn nêu trên.

Khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc kỳ tài chính được ghi nhận vào chi phí hoặc doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ tài chính theo chuẩn mực kế toán số 10 "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái".

985-0
CÔNG TY
NHIỆT ĐIỆN
CẨM PHẢ
TỔNG CÔNG TY
NHIỆT ĐIỆN
CẨM PHẢ
TỈNH QUẢNG NINH

TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC - VINACOMIN
CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN CẨM PHẢ - VINACOMIN
Địa chỉ: phường Cẩm Thịnh, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2015 và kết thúc vào ngày 30/6/2015

4.4 Nợ phải thu

Các khoản phải thu trình bày trong Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ phải thu từ khách hàng của Công ty và các khoản phải thu khác cộng với dự phòng nợ phải thu khó đòi. Tại thời điểm báo cáo, nêu:

- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn;
- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn;

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu vào ngày kết thúc năm tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản phải thu mà khách nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

4.5 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận là giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

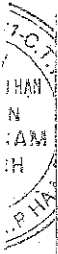
Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- | | |
|-------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| - Giá trị nguyên vật liệu, CCDC, hàng hoá | Nhập trước xuất trước |
| - Sản phẩm dở dang | Chi phí nguyên vật liệu và chi phí nhân công trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung theo định mức hoạt động bình thường |

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho các vật tư, hàng hóa tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 02 “Hàng tồn kho” và Thông tư số 228/2009/TT - BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp và Thông tư 89/2013/TT-BTC ngày 28/6/2013 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung thông tư 228/2009/TT-BTC.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2015 và kết thúc vào ngày 30/6/2015

4.6 Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

4.6.1 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. Các chi phí nâng cấp tài sản cố định hữu hình được vốn hóa, ghi tăng nguyên giá tài sản cố định; các chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định hữu hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ hữu hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

4.6.2 Tài sản cố định vô hình

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và các chi phí trực tiếp liên quan đến việc chuẩn bị để đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí nâng cấp tài sản được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cố định; các chi phí khác được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định vô hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao tài sản cố định vô hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

4.7 Chi phí trả trước

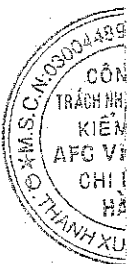
Chi phí trả trước bao gồm công cụ dụng cụ, giá trị của các tài sản không có đủ tiêu chuẩn là TSCĐ (có giá trị nhỏ hơn 30 triệu đồng), chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định và các chi phí trả trước khác. Chi phí trả trước sẽ được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời gian hợp lý kể từ khi phát sinh.

4.8 Nợ phải trả

Các khoản phải trả trình bày trong Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ phải trả từ khách hàng của Công ty và các khoản phải trả khác và được chi tiết cho từng đối tượng phải trả. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là ngắn hạn;

101/HH



TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC - VINACOMIN
CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN CẨM PHẢ - VINACOMIN
Địa chỉ: phường Cẩm Thịnh, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2015 và kết thúc vào ngày 30/6/2015

- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là dài hạn;

4.9 Chi phí đi vay và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm các khoản lãi tiền vay, các khoản chi phí khác phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động tài chính trong kỳ trừ trường hợp các khoản chi phí đi vay đó được tính vào (vốn hóa) giá trị tài sản do có liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng, mua sắm tài sản hoặc sản xuất các tài sản dở dang khi có đủ điều kiện vốn hóa theo quy định tại chuẩn mực chi phí đi vay.

Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết và sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán ra đã hoàn thành. Chi phí đi vay phát sinh sau đó sẽ được ghi nhận là chi phí hoạt động kinh doanh trong kỳ tài chính.

Chi phí đi vay được vốn hóa trong kỳ tài chính không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong kỳ tài chính. Các khoản lãi tiền vay và khoản phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội được vốn hóa trong từng kỳ không vượt quá số lãi vay thực tế phát sinh và số phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội trong kỳ tài chính đó.

4.10 Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm giá trị các khoản chi phí đã được tính vào chi phí hoạt động kinh doanh trong kỳ tài chính, nhưng chưa được thực chi vào thời điểm kết thúc kỳ tài chính. Khi các chi phí đó phát sinh thực tế, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch. Chi phí phải trả của Công ty chủ yếu là tiền lãi vay phải trả.

4.11 Dự phòng phải trả

Nguyên tắc ghi nhận dự phòng phải trả: Dự phòng phải trả được ghi nhận khi thoả mãn các điều kiện sau:

- Doanh nghiệp có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ; và
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Khoản dự phòng phải trả được lập tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Trường hợp số dự phòng phải trả cần lập ở kỳ kế toán này lớn hơn số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết thì số chênh lệch được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ kế toán đó. Trường hợp số dự phòng phải trả lập ở kỳ kế toán này nhỏ hơn số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết thì số chênh lệch phải được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ kế toán đó.

Dự phòng phải trả của Công ty bao gồm: dự phòng phải trả về sửa chữa, bảo dưỡng tài sản cố định định kỳ.

15-01
G T
M H
T O
T M
H A
N O
N - 7

TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC - VINACOMIN
CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN CẨM PHẢ - VINACOMIN
Địa chỉ: phường Cẩm Thịnh, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2015 và kết thúc vào ngày 30/6/2015

4.12 Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư ban đầu của Công ty được ghi nhận theo giá trị vốn góp của các bên góp vốn khi được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần. Trong quá trình hoạt động, vốn đầu tư của Công ty được ghi nhận tăng lên theo giá trị vốn góp tăng lên của các cổ đông.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần là thay đổi lần 4 ngày 27/07/2012 là 2.179.900.000.000 đồng.

Tỷ lệ nắm giữ vốn điều lệ của các cổ đông và số vốn thực góp của các cổ đông tại ngày 30/6/2015 như sau:

Cổ đông	Tỷ lệ cổ phần nắm giữ (theo vốn điều lệ)	Vốn thực góp tại ngày 30/6/2015 (VND)
- Tổng Công ty Điện lực - Vinacomin	82% vốn điều lệ	1.757.179.069.334
- Công ty CP Than Cọc 6	02% vốn điều lệ	43.598.000.000
- Công ty CP Than Tây nam Đá Mài	01% vốn điều lệ	21.799.000.000
- Công ty CP Than Đèo Nai	01% vốn điều lệ	21.799.000.000
- Công ty CP Than Cao Sơn	01% vốn điều lệ	21.799.000.000
- Công ty CP Than Mông Dương	01% vốn điều lệ	21.799.000.000
- Tổng Công ty XD công nghiệp Việt Nam	12% vốn điều lệ	81.833.153.548
Cộng	100% vốn điều lệ	1.969.806.222.882

4.13 Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

- Doanh thu bán điện được ghi nhận dựa vào sản lượng điện trên biên bản chốt chỉ số công tơ điện và giá điện được tính toán kết hợp dựa theo hợp đồng số 06/2012/HĐ-NMD - CP ngày 21/6/2012 (Hợp đồng mua bán điện Nhà máy điện Cẩm Phả 1 và Cẩm Phả 2) ký giữa Tập đoàn Điện lực Việt Nam và Công ty Cổ phần nhiệt điện Cẩm Phả - Vinacomin và giá của thị trường phát điện cạnh tranh.
- Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích đã được chuyển giao cho khách hàng, dịch vụ đã được cung cấp và được khách hàng chấp nhận.
- Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi, lãi tiền cho vay, lãi chênh lệch tỷ giá và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác. Lãi tiền gửi, lãi tiền vay được xác định trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

4.14 Chi phí hoạt động tài chính

Chi phí hoạt động tài chính của Công ty bao gồm các khoản chi phí lãi tiền vay không được vốn hóa theo quy định, lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ tài chính.

4.15 Thuế

Thuế Giá trị gia tăng (GTGT):

Thuế suất thuế GTGT đối với sản phẩm điện và các dịch vụ khác của Công ty là 10%

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2015 và kết thúc vào ngày 30/6/2015

Thuế Thu nhập doanh nghiệp (TNDN):

Công ty được áp dụng mức thuế suất 20% trong thời gian 10 năm kể từ khi dự án bắt đầu đi vào hoạt động, được miễn 02 năm và giảm 50% số thuế phải nộp cho 03 năm tiếp theo kể từ khi có thu nhập chịu thuế.

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2015 và kết thúc vào ngày 30/6/2015 Công ty áp dụng mức thuế suất 20%.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") trong năm, nếu có, bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm với thuế suất áp dụng trong năm tài chính. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa kế toán thuế và kế toán tài chính cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập hay chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

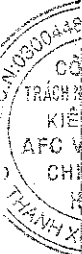
Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Các loại thuế khác: theo quy định hiện hành của Việt Nam

4.16 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông với số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.



TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC - VINACOMIN**CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN CẨM PHẢ - VINACOMIN**

Địa chỉ: phường Cẩm Thịnh, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2015 và kết thúc vào ngày 30/6/2015

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**5.1 Tiền**

	30/6/2015 (VND)	01/01/2015 (VND)
Tiền mặt tại quỹ	150.679.812	229.047.479
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	11.873.086.504	6.057.786.411
Cộng	12.023.766.316	6.286.833.890

5.2 Phải thu khách hàng

	30/6/2015 (VND)	01/01/2015 (VND)
a. Phải thu của khách hàng ngắn hạn	808.082.913.512	844.455.399.539
Công ty Mua bán điện	806.458.804.678	843.600.530.656
Các khoản phải thu khách hàng khác	1.624.108.834	854.868.883
b. Phải thu của khách hàng dài hạn	-	-
Cộng	808.082.913.512	844.455.399.539

5.3 Phải thu khác

	30/6/2015 (VND)		01/01/2015 (VND)	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Ngắn hạn	7.387.075.468	-	10.604.591.051	-
Phải thu người lao động	463.289.727	-	11.625.622	-
Thuế GTGT tạm nhận nợ với Cty TNHH Công trình Điện Cấp Nhĩ Tân	3.835.791.547	-	3.835.791.547	-
Thuế GTGT chưa được khấu trừ	2.644.741.193	-	6.677.559.640	-
Kinh phí công đoàn	-	-	-	-
Bảo hiểm xã hội	-	-	-	-
Phải thu khác	443.253.001	-	79.614.242	-
b. Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	7.387.075.468	-	10.604.591.051	-

95-001-
 NG TY
 ĐIỆN LỰC
 KẾ TOÁN
 TẬP NÀ
 NHÁNH
 A NỘI
 AN - TP

TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC - VINACOMIN
CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN CẨM PHẢ - VINACOMIN
 Địa chỉ: phường Cẩm Thịnh, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
 Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2015 và kết thúc vào ngày 30/6/2015

5.4 Hàng tồn kho

	30/6/2015 (VND)		01/01/2015 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi đường	-	-	-	-
Nguyên liệu, vật liệu	70.528.533.614	-	71.258.391.525	-
Công cụ, dụng cụ	217.121.330	-	167.984.070	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	-	-	-	-
Thành phẩm	-	-	-	-
Hàng hoá	-	-	-	-
Hàng gửi bán	-	-	-	-
Hàng hoá kho bảo thuế	-	-	-	-
Cộng	70.745.654.944	-	71.426.375.595	-

5.5 Tài sản dở dang dài hạn

	30/6/2015 (VND)		01/01/2015 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
a. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	-	-	-	-
b. Xây dựng cơ bản dở dang	14.630.456.797	-	14.118.973.811	-
- Mua sắm	-	-	-	-
- XDCB	14.630.456.797	-	14.118.973.811	-
<i>Dự án Cẩm Phả 1</i>	14.265.899.867	-	14.118.973.811	-
<i>Đầu tư bãi thải xi</i>	364.556.930	-	-	-
- Sửa chữa	-	-	-	-
Cộng	14.630.456.797	-	14.118.973.811	-

TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC - VINACOMIN
CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN CẨM PHẢ - VINACOMIN
 Địa chỉ: Phường Cẩm Thịnh, Thành Phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

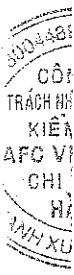
Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2015 và kết thúc vào ngày 30/6/2015

5.6 Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, trang thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	TSCĐ khác VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ						
Số dư đầu kỳ	1.948.597.196.719	8.228.097.066.907	53.935.836.667	2.131.967.271	3.648.626.770	10.236.410.694.334
- Mua trong kỳ	-	-	-	-	-	-
- Đầu tư XD/CB hoàn thành	-	-	-	-	-	-
- Tặng khác	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	(9.854.936.844)	(612.511.862)	-	-	-	(10.467.448.706)
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	1.938.742.259.875	8.227.484.555.045	53.935.836.667	2.131.967.271	3.648.626.770	10.225.943.245.628
GIÁ TRỊ HAO MÒN						
Số dư đầu kỳ	262.045.498.542	2.272.411.151.538	19.112.316.609	1.103.529.717	2.345.871.529	2.557.018.367.935
- Khấu hao trong kỳ	26.752.867.242	239.379.693.210	2.651.968.680	195.628.386	347.332.185	269.327.489.703
- Hao mòn trong kỳ	88.750.368	-	-	-	-	88.750.368
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	288.887.116.152	2.511.790.844.748	21.764.285.289	1.299.158.103	2.693.203.714	2.826.434.608.006
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày đầu kỳ	1.686.551.698.177	5.955.685.915.369	34.823.520.058	1.028.437.554	1.302.755.241	7.679.392.326.399
Tại ngày cuối kỳ	1.649.855.143.723	5.715.693.710.297	32.171.551.378	832.809.168	955.423.056	7.399.508.637.622

- Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay
- Nguyên giá tài sản hết KH nhưng vẫn còn sử dụng
- Nguyên giá tài sản chờ thanh lý

7.399.508.637.622



TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC - VINACOMIN

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN CẨM PHẢ - VINACOMIN

Địa chỉ: Phường Cẩm Thịnh, Thành Phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2015 và kết thúc vào ngày 30/6/2015

5.7 Tăng giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Số dư đầu kỳ	-	88.000.000	88.000.000
- Mua trong kỳ	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-
Số dư cuối kỳ	-	88.000.000	88.000.000
GIÁ TRỊ HAO MÒN			
Số dư đầu kỳ	-	88.000.000	88.000.000
- Khấu hao trong kỳ	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-
Số dư cuối kỳ	-	88.000.000	88.000.000
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày đầu kỳ	-	-	-
Tại ngày cuối kỳ	-	-	-

5.8 Chi phí trả trước

	30/6/2015 (VND)	01/01/2015 (VND)
a. Ngắn hạn	40.210.761.317	-
Chi phí công cụ dụng cụ	4.462.760.080	-
Chi phí mua bảo hiểm	1.774.115.762	-
Chi phí đào tạo nhân viên vận hành	4.875.500.035	-
Chi phí vận chuyển tro xỉ	29.098.385.440	-
b. Dài hạn	18.125.413.301	122.866.856.181
Chi phí công cụ dụng cụ	3.392.079.968	5.901.156.998
Chi phí sửa chữa, khắc phục sự cố	14.733.333.333	19.933.333.333
Lỗ CLTG trong giai đoạn đầu tư XD CB	-	97.032.365.850
Cộng	58.336.174.618	122.866.856.181

15-007
CÔNG TY
CỔ PHẦN
NHIỆT ĐIỆN
CẨM PHẢ
HỘI
QUẢN LÝ

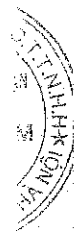
TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC - VINACOMIN
CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN CẨM PHẢ - VINACOMIN
 Địa chỉ: Phường Cẩm Thịnh, Thành Phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2015 và kết thúc vào ngày 30/6/2015

5.9 Vay và nợ thuê tài chính

	01/01/2015 (VND)		30/6/2015 (VND)	
	Giá trị	Khả năng trả nợ	Giá trị	Khả năng trả nợ
a. Vay ngắn hạn	1.057.491.519.585	1.057.491.519.585	1.297.733.899.465	1.297.733.899.465
Vay ngân hàng	509.246.257.426	509.246.257.426	810.578.029.101	810.578.029.101
Vay Tổng Công ty	548.245.262.159	548.245.262.159	487.155.870.364	487.155.870.364
b. Vay dài hạn	4.595.617.064.721	4.595.617.064.721	4.223.134.794.702	4.223.134.794.702
Vay ngân hàng	1.443.924.675.840	1.443.924.675.840	1.263.717.296.038	1.263.717.296.038
+ Từ 1 đến dưới 3 năm	-	-	-	-
+ Từ 3 đến 5 năm	-	-	-	-
+ Trên 5 năm	1.443.924.675.840	1.443.924.675.840	1.263.717.296.038	1.263.717.296.038
Vay Tổng Công ty	3.151.692.388.881	3.151.692.388.881	2.959.417.498.664	2.959.417.498.664
+ Từ 1 đến dưới 3 năm	-	-	-	-
+ Từ 3 đến 5 năm	-	-	-	-
+ Trên 5 năm	3.151.692.388.881	3.151.692.388.881	2.959.417.498.664	2.959.417.498.664
Cộng	5.653.108.584.306	5.653.108.584.306	5.520.868.694.167	5.520.868.694.167



TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC - VINACOMIN

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN CẨM PHẢ - VINACOMIN

Địa chỉ: Phường Cẩm Thịnh, Thành Phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2015 và kết thúc vào ngày 30/6/2015

5.10 Phải trả người bán

	30/6/2015 (VND)		01/01/2015 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	793.262.721.248	793.262.721.248	947.279.147.455	947.279.147.455
Cty TNHH Công trình Điện Cấp Nhĩ Tân	607.579.079.016	607.579.079.016	594.782.083.762	594.782.083.762
CN Tập đoàn CN than KSVN Công ty Kho vận và Cảng Cẩm Phả - TKV	137.555.960.888	137.555.960.888	301.051.646.467	301.051.646.467
Phải trả cho các đối tượng khác	48.127.681.344	48.127.681.344	51.445.417.226	51.445.417.226
b. Các khoản phải trả người bán dài hạn	-	-	-	-
Cộng	793.262.721.248	793.262.721.248	947.279.147.455	947.279.147.455

5.11 Trái phiếu phát hành

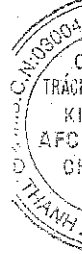
	30/6/2015 (VND)			01/01/2015 (VND)		
	Giá trị	Lãi suất	Kỳ hạn	Giá trị	Lãi suất	Kỳ hạn
- Mệnh giá	450.000.000.000	9,5%/năm	5 năm	450.000.000.000	9,5%/năm	5 năm
- Chiết khấu	-	-	-	-	-	-
- Phụ trội	-	-	-	-	-	-
Cộng	450.000.000.000			450.000.000.000		

LỜI THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2015 và kết thúc vào ngày 30/6/2015

2. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	01/01/2015 (VND)	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	30/6/2015 (VND)
a. Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	15.739.522.122	62.266.564.371	69.441.482.692	8.564.603.801
Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	-	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	-	-	-
Thuế tài nguyên	412.312.463	1.082.790.934	1.495.103.397	-
Thuế đất và tiền thuê đất	181.713.860	1.205.681.315	1.387.395.175	-
Các loại thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	-	-
Cộng	16.333.548.445	64.558.036.620	72.326.981.264	8.564.603.801
b. Phải thu				
Thuế giá trị gia tăng	-	-	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	(450.602.253)	309.150.073	-	(141.452.180)
Các loại thuế khác	(1.593.652.967)	-	-	(1.593.652.967)
Cộng	(2.044.255.220)	309.150.073	-	(1.735.105.147)



TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC - VINACOMIN
CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN CẨM PHẢ - VINACOMIN
Địa chỉ: Phường Cẩm Thịnh, Thành Phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2015 và kết thúc vào ngày 30/6/2015

5.13 Chi phí phải trả

	30/6/2015 (VND)	01/01/2015 (VND)
a. Ngắn hạn	159.368.465.611	127.154.009.321
Chi phí lãi vay	79.109.808.230	121.166.467.246
Chi phí bốc xúc vận chuyển	6.976.868.420	-
Chi phí điện mua của EVN	5.822.907.700	4.437.953.800
Than mua của Kho vận Cẩm Phả	66.051.210.195	-
Lãi chậm trả tiền than	1.345.921.066	1.345.921.066
Các khoản chi phí phải trả khác	61.750.000	203.667.209
b. Dài hạn	-	-
Cộng	159.368.465.611	127.154.009.321

5.14 Phải trả khác

	30/6/2015 (VND)	01/01/2015 (VND)
a. Ngắn hạn	1.851.471.918	3.550.357.148
Kinh phí công đoàn	45.077.898	32.658.816
Kinh phí hoạt động công tác đảng	6.955.527	55.284.561
Thưởng vận hành an toàn ngành điện	1.568.699.042	3.333.878.909
Các khoản phải trả phải nộp khác	230.739.451	128.534.862
Cộng	1.851.471.918	3.550.357.148
b. Dài hạn	-	-
Cộng	-	-
c. Số nợ quá hạn chưa thanh toán	-	-
Cộng	-	-

5.15 Dự phòng phải trả

	30/6/2015 (VND)	01/01/2015 (VND)
a. Ngắn hạn	5.873.493.226	-
Trích trước chi phí sửa chữa TSCĐ	5.873.493.226	-
b. Dài hạn	-	-
Cộng	5.873.493.226	-

3995-
CÔNG T
NHIỆM H
T M T O
VIỆT
I NHÃ
HÀ N O
LAN -

TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC - VINACOMIN
CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN CẨM PHẢ - VINACOMIN
 Địa chỉ: Phường Cẩm Thịnh, Thành Phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh

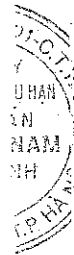
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2015 và kết thúc vào ngày 30/6/2015

5.16 Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ SH	VND	Vốn khác của CSH	VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	VND	Quy đầu tư phát triển	VND	Quy DP tài chính	VND	Lợi nhuận chưa phân phối	VND	Tổng cộng	VND
Số dư đầu năm trước	1.969.806.222.882		-		-		-		-		(416.422.457.509)		1.553.383.765.373	
- Tăng vốn trong năm trước	-		-		-		-		-		-		-	
- Lãi trong năm trước	-		-		-		-		-		31.908.983.265		33.254.904.331	
- Tăng khác	-		-		-		-		-		-		-	
- Giảm vốn trong năm trước	-		-		-		-		-		-		-	
- Lỗ trong năm trước	-		-		-		-		-		-		-	
- Giảm khác	-		-		-		-		-		-		-	
Số dư cuối năm trước/đầu năm nay	1.969.806.222.882		-		-		-		-		(384.513.474.244)		1.585.292.748.638	
- Tăng vốn trong kỳ	-		-		-		-		-		-		-	
- Lãi trong kỳ	-		-		-		-		-		-		-	
- Tăng khác	-		-		-		-		-		-		-	
- Giảm vốn trong kỳ	-		-		-		-		-		-		-	
- Lỗ trong kỳ	-		-		-		-		-		(115.628.799.703)		(115.628.799.703)	
- Giảm khác	-		-		-		-		-		-		-	
Số dư cuối kỳ	1.969.806.222.882		-		-		-		-		(500.142.273.947)		1.469.663.948.935	



TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC - VINACOMIN
CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN CẨM PHẢ - VINACOMIN
 Địa chỉ: Phường Cẩm Thịnh, Thành Phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2015 và kết thúc vào ngày 30/6/2015

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	30/6/2015 (VND)	01/01/2015 (VND)
Vốn góp của Nhà nước	1.757.179.069.334	1.689.101.666.334
Vốn góp của đối tượng khác	212.627.153.548	280.704.556.548
Cộng	1.969.806.222.882	1.969.806.222.882

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 (VND)	Năm 2014 (VND)
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	1.969.806.222.882	1.969.806.222.882
Vốn góp đầu kỳ	1.969.806.222.882	1.969.806.222.882
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp cuối kỳ	1.969.806.222.882	1.969.806.222.882
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

Cổ phiếu

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 (VND)	Năm 2014 (VND)
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	196.980.622	196.980.622
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	196.980.622	196.980.622
Cổ phiếu phổ thông	196.980.622	196.980.622
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	196.980.622	196.980.622
Cổ phiếu phổ thông	196.980.622	196.980.622
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành:	10.000 VND	

NHKIA

M.S.C.M.P.
A
Q. TH.

TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC - VINACOMIN
CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN CẨM PHẢ - VINACOMIN
Địa chỉ: Phường Cẩm Thịnh, Thành Phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2015 và kết thúc vào ngày 30/6/2015

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 (VND)	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 (VND)
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.018.746.186.740	2.518.486.119.975
Doanh thu bán điện	2.017.190.357.822	2.518.486.119.975
Doanh thu khác	1.555.828.918	-

6.2 Các khoản giảm trừ doanh thu

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 (VND)	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 (VND)
Tổng các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Chiết khấu thương mại	-	-
Giảm giá hàng bán	-	-

6.3 Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 (VND)	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 (VND)
Giá vốn thành phẩm đã bán	1.714.266.870.104	2.042.962.060.140
Giá vốn khác	-	-
Cộng	1.714.266.870.104	2.042.962.060.140

6.4 Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 (VND)	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 (VND)
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	478.730.161	227.436.451
Lãi chênh lệch tỷ giá	188.541	70.666
Cộng	478.918.702	227.507.117

6.5 Chi phí hoạt động tài chính

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 (VND)	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 (VND)
Lãi tiền vay	194.161.673.246	205.937.001.716
Phí đại lý phát hành trái phiếu 2014	-	4.500.000.000
Lỗ chênh lệch tỷ giá	203.657.548.245	117.081.805.538
Cộng	397.819.221.491	327.518.807.254

30/06/2015
CỔ Đ
ÁCH NH
KIỂM
FC V
CHI
H
HXU

TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC - VINACOMIN
CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN CẨM PHẢ - VINACOMIN
 Địa chỉ: Phường Cẩm Thịnh, Thành Phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2015 và kết thúc vào ngày 30/6/2015

6.6 Thu nhập khác

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 (VND)	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 (VND)
Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	-	-
Nhượng vật tư, bán phế liệu thu hồi	-	-
Các khoản khác	183.716.363	1.599.740.199
Cộng	183.716.363	1.599.740.199

6.7 Chi phí khác

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 (VND)	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 (VND)
Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ	-	-
Chi phí đào tạo công nhân vận hành	4.875.500.035	-
Các khoản khác	1.322.286.898	1.019.034.842
Cộng	6.197.786.933	1.019.034.842

6.8 Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 (VND)	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 (VND)
a. Chi phí quản lý doanh nghiệp	16.753.742.980	21.971.931.731
Chi phí nhân viên	7.674.432.288	9.326.285.758
Các khoản khác	9.079.310.692	12.645.645.973
b. Chi phí bán hàng	-	-
c. Các khoản ghi giảm chi phí bán hàng và Chi phí quản lý doanh nghiệp	-	-
Cộng	16.753.742.980	21.971.931.731

6.9 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 (VND)	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 (VND)
a. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố		
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.362.145.486.858	1.730.092.207.485
Chi phí nhân công	39.444.975.179	40.374.871.410
Chi phí khấu hao TSCĐ	268.476.507.123	269.316.830.137
Chi phí dịch vụ mua ngoài	48.545.428.446	12.542.590.244
Chi phí khác bằng tiền	12.408.215.478	12.607.492.595
Cộng	1.731.020.613.084	2.064.933.991.871

45-02
 CÔNG TY
 TNHH
 ĐIỆN LỰC
 CẨM PHẢ
 QUẢNG NINH
 N.T

TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC - VINACOMIN
CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN CẨM PHẢ - VINACOMIN
 Địa chỉ: Phường Cẩm Thịnh, Thành Phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2015 và kết thúc vào ngày 30/6/2015

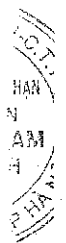
b. Các khoản ghi giảm chi phí		
Hoàn nhập dự phòng	-	-
Các khoản ghi giảm khác	-	-
Cộng	-	-
6.10 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 (VND)	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 (VND)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	-	-
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập của kỳ trước vào chi phí thuế TNHH của kỳ này	-	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-
6.11 Lãi cơ bản trên cổ phiếu		
	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 (VND)	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 (VND)
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	(115.628.799.703)	126.841.533.324
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông.	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông.	-	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	196.980.622	196.980.622
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(587,01)	643,93
6.12 Công cụ tài chính		

Công ty chịu các rủi ro sau khi sử dụng các công cụ tài chính: rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Ban Tổng giám đốc chịu trách nhiệm chung đối với việc thiết lập và giám sát nguyên tắc quản lý rủi ro tài chính. Ban Tổng Giám đốc thiết lập các chính sách nhằm phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các biện pháp kiểm soát rủi ro và các hạn mức rủi ro thích hợp, và giám sát các rủi ro và việc thực hiện các hạn mức rủi ro. Hệ thống và chính sách quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của các điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Ban Tổng giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

- (i) Rủi ro thị trường



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2015 và kết thúc vào ngày 30/6/2015

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro về giá khác.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỉ giá hối đoái. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỉ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của công ty.

Công ty có rủi ro tỷ giá hối đoái từ các giao dịch mua, bán bằng đơn vị tiền tệ không phải là đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty.

Rủi ro về giá cổ phiếu, trái phiếu

Công ty không đầu tư cổ phiếu, trái phiếu nên không có rủi ro về giá cổ phiếu, trái phiếu.

(ii) **Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với tài khoản phải thu khách hàng), và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, các khoản cho vay và các công cụ tài chính khác.

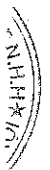
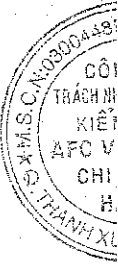
Phải thu khách hàng

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

Công ty sẽ lập dự phòng giảm giá trị để phản ánh mức độ thiệt hại ước tính đối với phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư. Thành phần chính của khoản dự phòng giảm giá trị này là khoản lỗ cụ thể có liên quan đến mức độ thiệt hại cụ thể đối với từng khách hàng.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty



TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC - VINACOMIN
CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN CẨM PHẢ - VINACOMIN
 Địa chỉ: Phường Cẩm Thịnh, Thành Phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2015 và kết thúc vào ngày 30/6/2015

đối với các khoản mục trên bản cân đối kế toán tại ngày kết thúc kỳ tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5.1. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

(iii) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn khác biệt nhau.

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

Bảng dưới đây phân tích đối với tài sản tài chính và các khoản nợ tài chính phi phái sinh vào các nhóm đáo hạn có liên quan dựa trên kỳ hạn còn lại từ ngày lập bảng cân đối kế toán đến ngày đáo hạn theo hợp đồng. Các số tiền được trình bày trong bảng sau là các luồng tiền theo hợp đồng không chiết khấu. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Trên 1 năm</u>	<u>Tổng cộng</u>
Ngày 30/6/2015			
<i>Giá trị ghi sổ:</i>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	12.023.766.316	-	12.023.766.316
Phải thu khách hàng	808.082.913.512	-	808.082.913.512
Phải thu khác	8.569.388.738	-	8.569.388.738
Trừ:	-	-	-
Dự phòng phải thu khó đòi	(72.660.000)	-	(72.660.000)
Dự phòng giảm giá các khoản ĐT	-	-	-
Tổng cộng	828.603.408.566	-	828.603.408.566
Ngày 30/6/2015			
Các khoản vay và nợ	1.297.733.899.465	4.673.134.794.702	5.970.868.694.167
Phải trả người bán	793.262.721.248	-	793.262.721.248
Phải trả, PN khác và chi phí phải trả	187.391.898.820	-	187.391.898.820
Tổng cộng	2.278.388.519.533	4.673.134.794.702	6.951.523.314.235
Chênh lệch thanh khoản thuần	(1.449.785.110.967)	(4.673.134.794.702)	(6.122.919.905.669)

35-007
 G TY
 ỆM HỮU
 TOÁN
 ỆT N.
 NHÁNH
 HỘ
 AN-T

TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC - VINACOMIN
CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN CẨM PHẢ - VINACOMIN
 Địa chỉ: Phường Cẩm Thịnh, Thành Phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2015 và kết thúc vào ngày 30/6/2015

	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Trên 1 năm</u>	<u>Tổng cộng</u>
Ngày 01/01/2015			
Giá trị ghi sổ:			
Tiền và các khoản tương đương tiền	6.286.833.890	-	6.286.833.890
Phải thu khách hàng	844.455.399.539	-	844.455.399.539
Phải thu khác	11.078.131.051	-	11.078.131.051
Trừ:	-	-	-
Dự phòng phải thu khó đòi	(72.660.000)	-	(72.660.000)
Dự Phòng giảm giá các khoản ĐT	-	-	-
Tổng cộng	861.747.704.480	-	861.747.704.480
Ngày 01/01/2015			
Các khoản vay và nợ	1.057.491.519.585	5.045.617.064.721	6.103.108.584.306
Phải trả người bán	947.279.147.455	-	947.279.147.455
Phải trả, PN khác và chi phí phải trả	164.071.559.434	-	164.071.559.434
Tổng cộng	2.168.842.226.474	5.045.617.064.721	7.214.459.291.195
Chênh lệch thanh khoản thuần	(1.307.094.521.994)	(5.045.617.064.721)	(6.352.711.586.715)

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn cần thiết.

(iv) Giá trị hợp lý

Giá trị ghi sổ trừ dự phòng của các khoản phải thu ngắn hạn, tiền gửi ngân hàng và các khoản phải trả người bán và phải trả khác là gần bằng với giá trị hợp lý của chúng.

	<u>Giá trị ghi sổ</u>		<u>Giá trị hợp lý</u>	
	30/6/2015	01/01/2015	30/6/2015	01/01/2015
Tài sản tài chính				
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	-	-	-
Các khoản cho vay và phải thu	-	-	-	-
<i>Phải thu khách hàng</i>	808.082.913.512	844.455.399.539	808.010.253.512	844.382.739.539
<i>Các khoản PT khác</i>	8.569.388.738	11.078.131.051	8.569.388.738	11.078.131.051
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	-	-	-	-
<i>Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	12.023.766.316	6.286.833.890	12.023.766.316	6.286.833.890
Tổng cộng	828.676.068.566	861.820.364.480	828.603.408.566	861.747.704.480
Nợ phải trả tài chính				
<i>Vay và nợ</i>	5.970.868.694.167	6.103.108.584.306	5.970.868.694.167	6.103.108.584.306
<i>Phải trả người bán</i>	793.262.721.248	947.279.147.455	793.262.721.248	947.279.147.455
<i>Phải trả khác</i>	187.391.898.820	164.071.559.434	187.391.898.820	164.071.559.434
Tổng cộng	6.951.523.314.235	7.214.459.291.195	6.951.523.314.235	7.214.459.291.195

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 01/01/2015 và ngày 30/6/2015. Tuy nhiên, Ban Tổng giám đốc

TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC - VINACOMIN
CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN CẨM PHẢ - VINACOMIN
Địa chỉ: Phường Cẩm Thịnh, Thành Phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2015 và kết thúc vào ngày 30/6/2015

đánh giá giá trị hợp lý của những tài sản và phải trả tài chính này không có chênh lệch trọng yếu với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc kỳ tài chính.

6.13 Báo cáo bộ phận

Trong kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2015 và kết thúc vào ngày 30/6/2015, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chính là phát điện cho hệ thống điện Quốc gia (bán toàn bộ điện cho Công ty mua bán điện). Do đó không trình bày báo cáo bộ phận.

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý (báo cáo thứ yếu): Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng tạo ra doanh thu cho bộ phận. Trong kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30/6/2015, tổng doanh thu của Công ty phát sinh hoàn toàn tại Quảng Ninh nên Công ty không lập Báo cáo bộ phận thứ yếu (theo khu vực địa lý).

7. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

7.1 Thông tin về các bên có liên quan

Các bên liên quan:

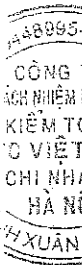
Các bên được xem là các bên có liên quan khi một bên có khả năng kiểm soát bên kia hoặc tạo ra ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong các quyết định tài chính và kinh doanh. Trong kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2015, Tổng Công ty Điện lực - Vinacomin, các đơn vị trong nội bộ Tổng Công ty Điện lực - Vinacomin, Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam (Vinacomin) và các đơn vị trong nội bộ Tập đoàn Vinacomin được nhận biết là các bên liên quan của Công ty.

Thu nhập trong kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2015 và kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 của các thành viên của HĐQT và Ban Tổng Giám đốc:

- Lương, thưởng, phụ cấp khác của Ban Tổng giám đốc	752.313.600
- Thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị	138.180.000
Tổng cộng	890.493.600

Số dư tại ngày 30/6/2015 và giao dịch với các bên liên quan trong kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2015 và kết thúc vào ngày 30/6/2015 được thể hiện tại các phụ biểu đính kèm, cụ thể như sau:

- Phụ biểu 01: Bảng kê vật tư hàng hóa, than và dịch vụ mua nội bộ Tập đoàn Vinacomin;
- Phụ biểu 02: Bảng kê vật tư hàng hóa, than và dịch vụ bán nội bộ Tập đoàn Vinacomin;
- Phụ biểu 03: Báo cáo các khoản phải thu, phải trả trong nội bộ Tập đoàn.



TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC - VINACOMIN
CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN CẨM PHẢ - VINACOMIN
Địa chỉ: Phường Cẩm Thịnh, Thành Phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2015 và kết thúc vào ngày 30/6/2015

7.2 Thông tin so sánh

Số liệu được dùng để so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2014 và Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2014 và kết thúc vào ngày 30/6/2014 của Công ty đã được trình bày lại theo mẫu của Thông tư 200/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22/12/2014, đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội. Chi tiết như sau:

Bảng cân đối kế toán

Chỉ tiêu	31/12/2014 (Đã được trình bày trước đây)	Số liệu tăng, giảm để trình bày lại	01/01/2015 (Được trình bày lại)
TÀI SẢN NGẮN HẠN			
Hàng tồn kho	122.884.245.121	(51.457.869.526)	71.426.375.595
TÀI SẢN DÀI HẠN			
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	-	51.457.869.526	51.457.869.526
NỢ PHẢI TRẢ			
Vay và nợ ngắn hạn	171.350.000.785	(171.350.000.785)	-
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	-	1.057.491.519.585	1.057.491.519.585
Vay và nợ dài hạn	5.931.758.583.521	(5.931.758.583.521)	-
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	-	5.045.617.064.721	5.045.617.064.721

Quảng Ninh, ngày 10 tháng 8 năm 2015

NGƯỜI LẬP BIỂU

NGUYỄN THỊ DUNG

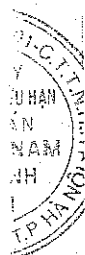
KẾ TOÁN TRƯỞNG

PHẠM VĂN THƯỜNG

TỔNG GIÁM ĐỐC



PHẠM ĐẮC LÂM



CÔNG TY ĐIỆN LỰC - VINACOMIN
CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN CẨM PHẢ - VINACOMIN
 chi: phường Cẩm Thịnh, thị xã Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

BẢNG KÊ VẬT TƯ HÀNG HÓA, THAN VÀ DỊCH VỤ MUA NỘI BỘ TẬP ĐOÀN

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2015 và kết thúc vào ngày 30/6/2015

Tên đơn vị bán	Đơn vị		Mua trong kỳ		Tồn cuối kỳ		
	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (VND)	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (VND)
B	C	I	2	3	4	5	6
Công ty kho vận & Cảng Cẩm Phả				1.217.731.194.928			
Than cám		1.051.472,45	1.156.804	1.216.347.739.089			
Than bùn		1.091,85	1.267.075	1.383.455.839			
Công ty Vật tư Xếp dỡ - Vinacomin				5.506.680.840			
Dầu DO		221.300,00	14.518	3.212.917.060	29.027,00	18.048	523.865.769
Dầu FO							
Thiết bị				12.652.146			
Dầu nhờn khác				2.281.111.634			
Công ty cổ phần chế tạo máy - Vinacomin				240.800.364			
Thiết bị cơ nhiệt				210.186.508			
Dịch vụ				30.613.856			
CTY CP VT & Đưa đón thợ mỏ - Vianacomin				11.560.000			
Thuế xe chở cán bộ				11.560.000			
Công ty TNHH ITV Môi trường - Vinacomin				10.226.192.190			
Dịch vụ xử lý chất thải				235.874.190			
Dầu tái sinh				9.990.318.000			
Công ty CP SX và kinh doanh Vật tư thiết bị - VVMI				1.359.908.600			
Vật tư, thiết bị				1.359.908.600			
Trường quản trị kinh doanh - Vinacomin				2.490.000			
Dịch vụ đào tạo				2.490.000			
Công ty CP du lịch & thương mại Vinacomin - Chi nhánh Vân Long				11.000.000			
Tham quan, học tập				11.000.000			
Công ty Phát triển công nghệ và thiết bị mô (Viện Khoa học công nghệ mỏ Vinacomin)				425.635.046			
Thí nghiệm hiệu chỉnh thiết bị điện				425.635.046			

CÔNG TY ĐIỆN LỰC - VINACOMIN
CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN CẨM PHẢ - VINACOMIN
Địa chỉ: phường Cẩm Thịnh, thị xã Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

BẢNG KÊ VẬT TƯ HÀNG HÓA, THAN VÀ DỊCH VỤ MUA NỘI BỘ TẬP ĐOÀN

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2015 và kết thúc vào ngày 30/6/2015

Tên đơn vị bán	Đơn vị		Mua trong kỳ		Tồn cuối kỳ		
	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (VNĐ)	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (VNĐ)
B	C	1	2	3	4	5	6
Công ty cổ phần Kinh doanh than Cẩm Phả - Vinacomin				3.663.659.100			
Chi phí rút than xi				3.663.659.100			
Tổng Cộng				1.239.179.121.070			

Quảng Ninh, ngày 10 tháng 8 năm 2015

Người lập biểu

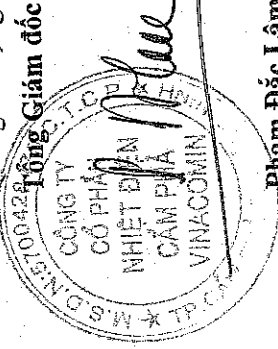
Handwritten signature

Nguyễn Thị Dung

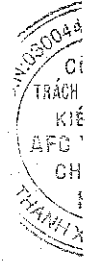
Kế toán Trưởng

Handwritten signature

Phạm Văn Thường



Phạm Đức Lâm



CÔNG TY ĐIỆN LỰC - VINACOMIN
CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN CẨM PHẢ - VINACOMIN
 địa chỉ: phường Cẩm Thịnh, thị xã Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

Phụ lục 02

BẢNG KÊ VẬT TƯ, HÀNG HOÁ, THAN BÁN NỘI BỘ TẬP ĐOÀN
 Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2015 và kết thúc vào ngày 30/6/2015

Chung loại than	AK bq Đơn vị			Doanh thu			Giá vốn		
	Số lượng	Đơn giá	Giá trị (VND)	Số lượng	Đơn giá	Giá trị (VND)	Số lượng	Đơn giá	Giá trị (VND)
B	C	1	2	3	4	5	6	5	6
TỔNG CỘNG				107.441.550					
XN Vật tư Cẩm Phả - CN Công ty CP Vật tư - TKV				961.884					
Điện				961.884					
Công ty TNHH 1TV Môi trường Vinacomín				77.137.075					
Dầu thải				77.137.075					
Công ty nhiệt điện Sơn Động - Vinacomín				29.342.591					
Cho thuê xe				29.342.591					

Người lập biểu

Nguyễn Thị Dung

Nguyễn Thị Dung

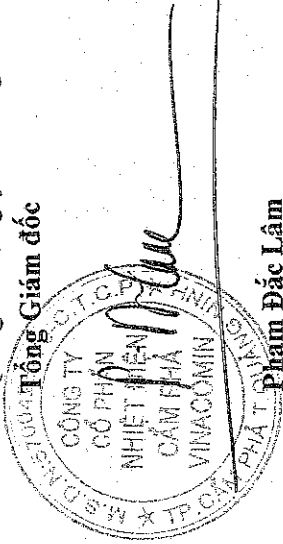
Kế toán Trưởng

Phạm Văn Thương

Phạm Văn Thương

Quảng Ninh, ngày 10 tháng 8 năm 2015

Tổng Giám đốc



Phạm Đức Lâm

995-0
 NG T
 HIỆM HỮ
 M T O /
 (Ệ T)
 NH A / N O /
 (AN)

TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC - VINACOMIN
CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN CẨM PHẢ - VINACOMIN

Địa chỉ: phường Cẩm Thịnh, thị xã Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

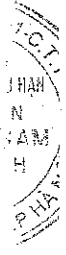
Phụ biểu 03

BÁO CÁO CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI TRẢ TRONG NỘI BỘ TẬP ĐOÀN

Vào ngày 30/6/2015

Đơn vị: VND

TT	Tên đơn vị	Các khoản công nợ					
		131	331	2	4	5	341
A	B	I					6
A	NỢ PHẢI THU	221.712.250	-	-	-	-	-
I	CÁC KHOẢN NỢ NGẮN HẠN	221.712.250	-	-	-	-	-
1	Công ty kho vận và cảng Cẩm Phả - Vinacomin	-	-	-	-	-	-
2	Công ty Nhiệt điện Sơn Động - Vinacomin	32.276.850	-	-	-	-	-
3	Công ty CP Chế tạo máy - Vinacomin	189.435.400	-	-	-	-	-
II	CÁC KHOẢN NỢ DÀI HẠN	-	-	-	-	-	-
1	Tổng công ty Điện lực - Vinacomin	-	-	-	-	-	-
	CỘNG	221.712.250	-	-	-	-	-
B	NỢ PHẢI TRẢ	-	147.465.952.723	74.325.853.690	-	-	3.446.573.369.028
I	CÁC KHOẢN NỢ NGẮN HẠN	-	147.465.952.723	74.325.853.690	0	-	487.155.870.364,00
1	Công ty kho vận và cảng Cẩm Phả - Vinacomin	-	137.555.960.888	-	-	-	-
2	Công ty CP Công nghiệp ô tô - Vinacomin	-	-	-	-	-	-
3	Tổng công ty Công nghiệp Mỏ Việt Bắc - Vinacomin	-	548.555.590	-	-	-	-
4	Cty TNHH MTV Môi trường - Vinacomin	-	5.153.775.390	-	-	-	-
5	Công ty Tuyền than Cửa Ông	-	-	-	-	-	-
6	Công ty CP Chế tạo máy - Vinacomin	-	110.225.113	-	-	-	-
7	Viện cơ khí Năng lượng & mỏ - Vinacomin	-	-	-	-	-	-
8	Công ty CP Vật tư - TKV	-	1.308.822.446	-	-	-	-
9	Trường CĐ Nghề mỏ Hồng Cẩm - Vinacomin	-	-	-	-	-	-
10	Cty CP Vận tải và đưa đón thợ mỏ - Vinacomin	-	1.496.000	-	-	-	-
11	Cty CP Kinh doanh than Cẩm Phả - Vinacomin	-	2.318.918.745	-	-	-	-
12	Viện khoa học công nghệ mỏ - Vinacomin	-	468.198.551	-	-	-	-
13	Công ty CP Thiết bị điện - Vinacomin	-	-	-	-	-	-
14	Tổng công ty Điện lực - Vinacomin	-	-	72.979.932.624	-	-	487.155.870.364
15	Ban kế toán Tập đoàn CN Than - KS VN	-	-	1.345.921.066	-	-	-



TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC - VINACOMIN
CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN CẨM PHẢ - VINACOMIN
 Địa chỉ: phường Cẩm Thịnh, thị xã Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

BÁO CÁO CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI TRẢ TRONG NỘI BỘ TẬP ĐOÀN
 Vào ngày 30/6/2015

Đơn vị: VND

Mã	Tên đơn vị	Các khoản công nợ					
		131	331	335	338	341	6
A	B	1	2	4	5	6	
II	CÁC KHOẢN NỢ DÀI HẠN	-	-	-	-	-	2.959.417.498.664
I	Tổng Công ty Điện lực - Vinacomin	-	-	-	-	-	2.959.417.498.664
	CỘNG		147.465.952.723	74.325.853.690			3.446.573.369.028

Quảng Ninh, ngày 10 tháng 8 năm 2015

Người lập biểu

Nguyễn Thị Dung

Nguyễn Thị Dung

Kế toán Trưởng

Phạm Văn Thương

Phạm Văn Thương

